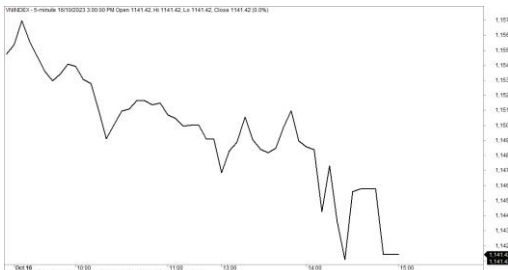


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,141.42	236.46	87.35
% ngày	-1.15%	-1.08%	-0.63%
% tuần	0.36%	1.25%	0.53%
% tháng	-7.00%	-6.45%	-6.84%
% năm	7.49%	3.76%	8.97%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	9,763	1,044	442
TB 1 tuần	14,206	2,014	666
TB 1 tháng	17,591	2,028	848
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	607.64	10.30	15.36
Bán	1,435.82	49.86	20.15
Giá trị ròng	-828.19	-39.55	-4.79
Độ rộng TT			
Mã Tăng	138	52	149
Mã Giảm	305	109	107
Không Đổi	56	73	84
Chỉ số chính			
P/E	13.28	21.13	17.65
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	4,508	318	1,087
LS Cổ tức	1.89%	3.30%	5.53%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường không giữ được nhịp hồi phục trong phiên cuối tuần trước khi căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông tiếp tục leo thang và TTCK Mỹ điều chỉnh trong phiên thứ 6 tuần trước. Chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1,141.42 điểm giảm 1.15%, chỉ số HNX-Index giảm 1.08%, chỉ số Upcom-Index giảm 0.63%. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 16,775 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

Sắc đỏ bao trùm trong phiên hôm nay với chỉ số VN30-Index ghi nhận 23 mã giảm và 6 mã tăng. Trong đó, nhóm Ngân hàng giảm trên diện rộng như BID, CTG, ACB, HDB, TCB hay STB (-4.13%) giảm mạnh. Ngoài ra, HPG, SSI, VHM, VIC, cũng có mức giảm khá. Ngược lại, VPB (2.51%), GAS (1.28%), FPT (0.73%), GVR (0.23%) tăng giá.

Các cổ phiếu có sự phân hóa mạnh theo kỳ vọng kết quả kinh doanh quý. Cu thể, nhóm vận tải biển như VOS, VIP, PVT hay VDS đóng cửa trong sắc xanh nhờ KQKD quý 3 tích cực. Ngược lại, áp lực chốt lời xuất hiện tại nhóm cp Điện, Dầu khí và Bất động sản.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 871 tỷ đồng toàn thị trường trong đó MWG (141 tỷ), FPT (94 tỷ), FUEVFNVD (87 tỷ) dẫn đầu ở chiều bán ròng. Ở chiều ngược lại, VNM (15 tỷ), DGW (14 tỷ), VCB (14 tỷ) là các mã được mua ròng khá nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục nhịp giảm và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1,130 – 1,135 điểm trong phiên kế tiếp. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy ngắn hạn cho nên thanh khoản vẫn có thể duy trì ở mức thấp và phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu, đặc biệt dòng tiền vẫn chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu dầu khí. Ngoài ra, chỉ báo tâm lý ngắn hạn giảm nhẹ, nhưng cơ bản là các nhà đầu tư đã dần tỏ ra tích cực hơn so với giai đoạn đầu tháng 10/2023.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức GIẢM. Do đó, trong ngắn hạn, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu hiện tại và vẫn có thể mua mới với tỷ trọng thấp để thăm dò xu hướng ngắn hạn.

Tham khảo tín hiệu mua/bán cổ phiếu tại: <https://ysradar.yuanta.com.vn/>



BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	1253	1300	870	800
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	260	306	189	160
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	1270	1300	980	960
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	1280	1250	963	900
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	1250	1250	804	750

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1141.42	-1.15%
VN30	1153.21	-1.15%
VN Mid	1656.52	-1.59%
VN Small	1356.68	-1.28%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	236.46	-1.08%
HN30	504.58	-1.14%
VNX AllSh	1153.95	-1.28%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	87.35	-0.63%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	607.64	
Bán	1435.82	
GT rỗng	-828.19	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	10.30	
Bán	49.86	
GT rỗng	-39.55	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	15.36	
Bán	20.15	
GT rỗng	-4.79	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIP	800	6.84%
YEG	1050	6.69%
SRC	1200	4.29%
VDS	550	3.53%
PVP	500	3.27%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CAP	2300	2.80%
PVC	500	2.72%
LAS	300	2.16%
PVS	800	2.01%
GKM	600	1.86%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VOC	1857	8.80%
FOX	5104	7.00%
DRI	315	4.14%
DVN	666	3.52%
BSR	685	3.26%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
EVG	-340	-6.27%
DLG	-130	-5.37%
QCG	-600	-5.17%
DXG	-900	-4.90%
VND	-1050	-4.77%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
IDJ	-300	-4.76%
TNG	-900	-4.17%
MBS	-900	-3.93%
CMS	-800	-3.20%
APS	-200	-2.86%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DGT	-145	-2.20%
SBS	-148	-1.85%
ABW	-182	-1.67%
TID	-328	-1.42%
MPC	-236	-1.27%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VCB	484,015	
BID	214,987	
VHM	204,220	
GAS	197,060	
VIC	175,822	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
HUT	20,974	
PVS	19,071	
IDC	17,325	
SHS	14,799	
THD	14,206	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	161,216	
VGI	85,370	
BSR	65,166	
MCH	55,025	
VEA	49,635	

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
SHB	30,353,603	16,398,933
SSI	28,369,023	30,058,388
VND	27,914,902	28,579,861
VPB	26,100,760	13,380,993
STB	25,872,807	18,906,907

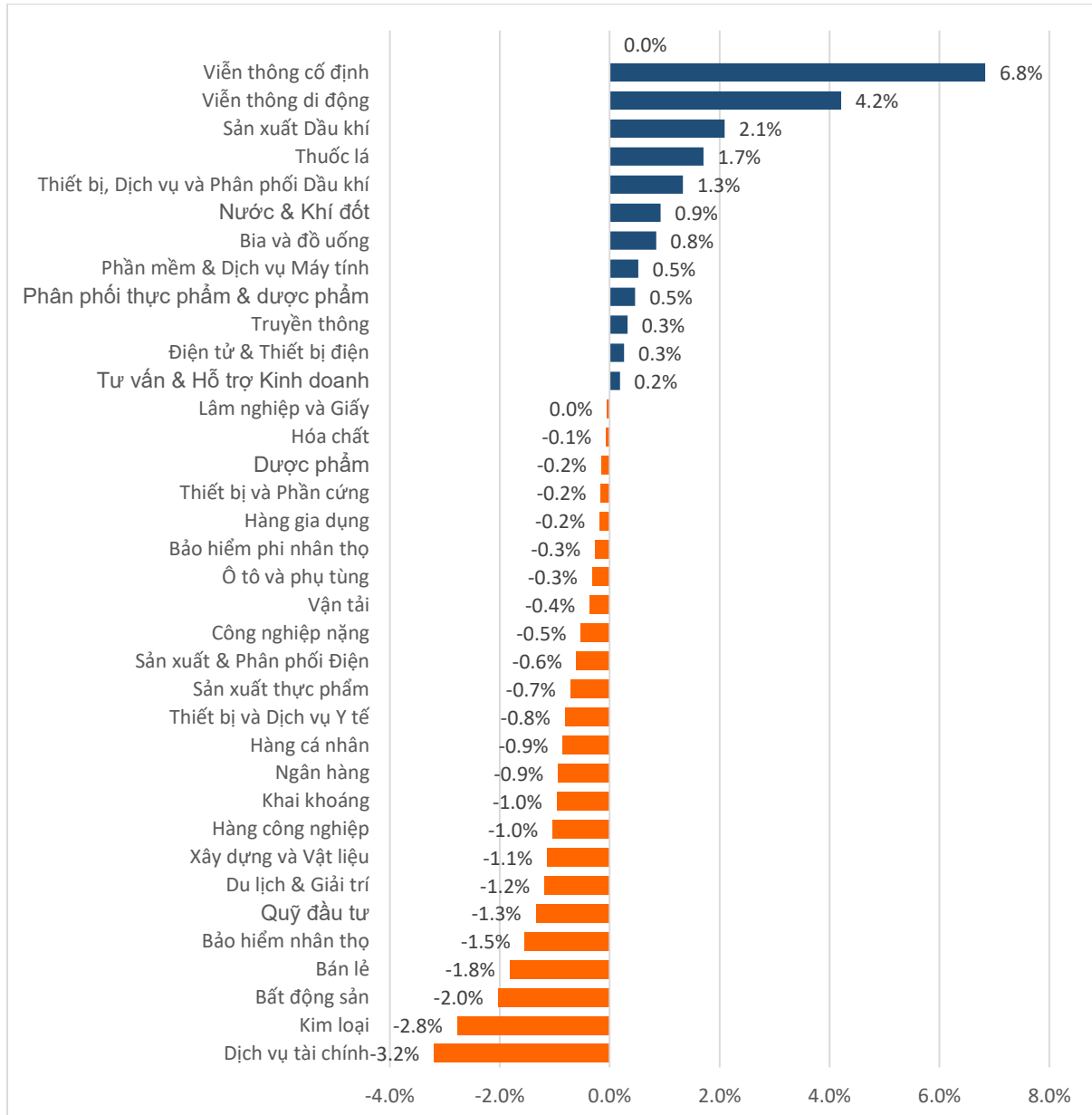
KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
SHS	26,652,115	26,723,819
PVS	9,977,172	7,647,183
CEO	8,724,225	8,947,275
IDC	8,356,252	3,620,914
HUT	7,855,519	5,714,151

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
BSR	12,557,985	11,169,644
VHG	3,163,225	1,230,452
OIL	2,390,524	1,700,421
SBS	1,635,199	3,623,948
VTP	1,603,094	1,214,119

Nguồn: Bloomberg & YSVN



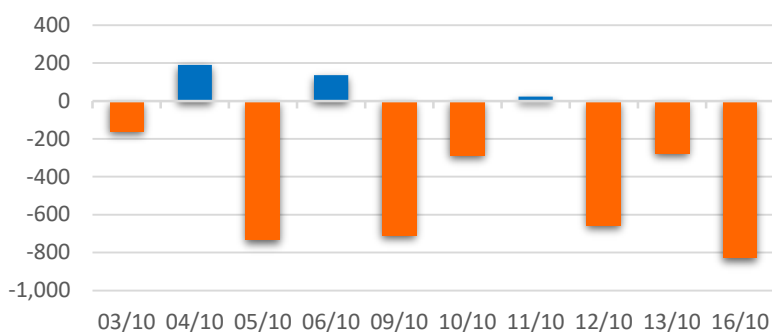
DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



Nguồn: FinPro – YSVN

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

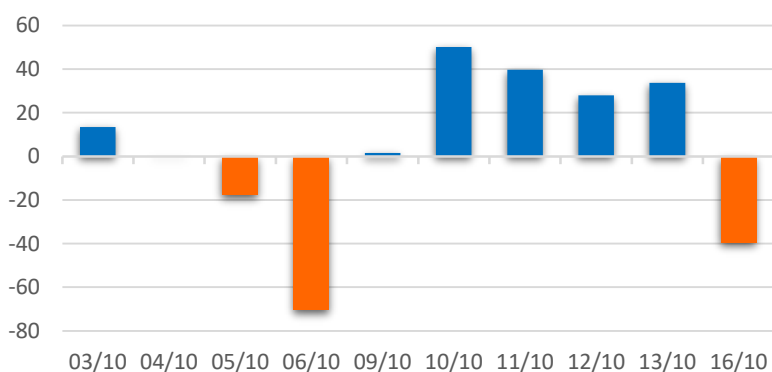
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	14,882	MWG	141,288
DGW	14,106	FPT	93,991
VCB	13,978	FUEVFVND	87,373
SGN	11,477	VPB	66,919
STB	6,588	SSI	62,028

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

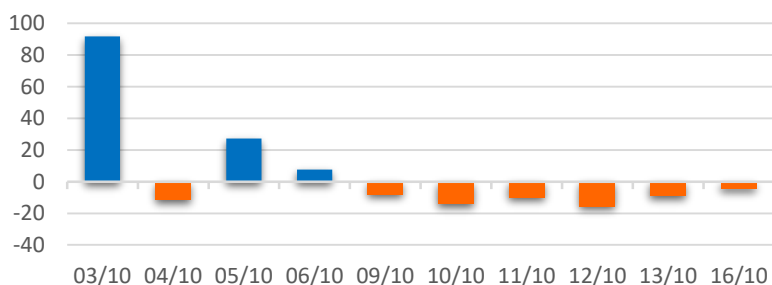
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
CEO	4,248	SHS	31,687
IDC	2,155	PVS	5,021
TIG	529	TNG	4,461
PCG	276	MBS	2,747
BVS	166	EID	1,223

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BSR	13,232	VEA	7,898
MCH	345	QNS	4,925
VHG	243	VTP	4,649
PHP	115	PAT	382
GHC	106	VFC	203

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
FUEVFN30	59,735	SSI	25,216
VPB	47,364	DGC	21,705
E1VFN30	37,328	FPT	19,108
FRT	10,423	PNJ	13,152
FUESSVFL	9,089	VNM	13,085

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất trên HSX

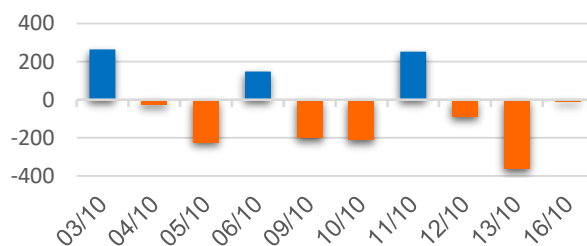
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	9,135.00	SHS	1,764
IDC	3,161.53	PSI	1.7
MBS	134.25	SCI	1.3

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên HNX

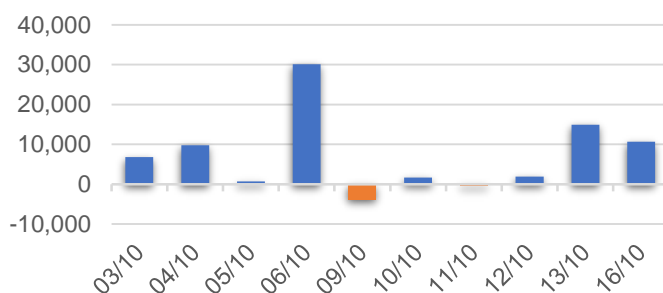
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VOC	2,288.57	LTG	3,824
NAB	270	QTP	2,581
		BSR	2,185.0
		GDA	123.0
		ABB	3.7

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên UPCoM

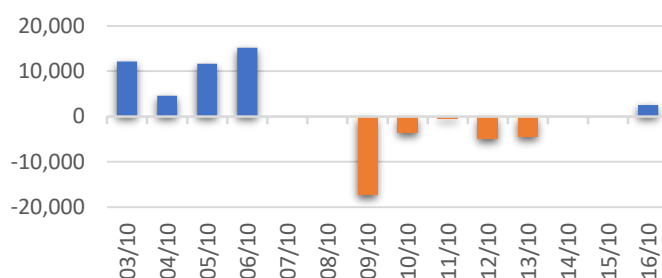
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng trên HSX (tỷ đồng)



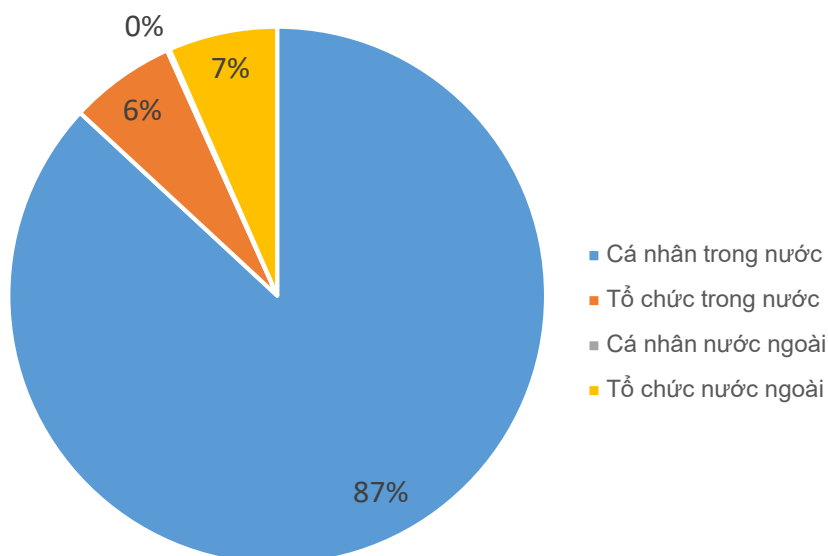
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng HNX (triệu đồng)



Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng UPCoM (triệu đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM



Nguồn: FiiPro – YSVN

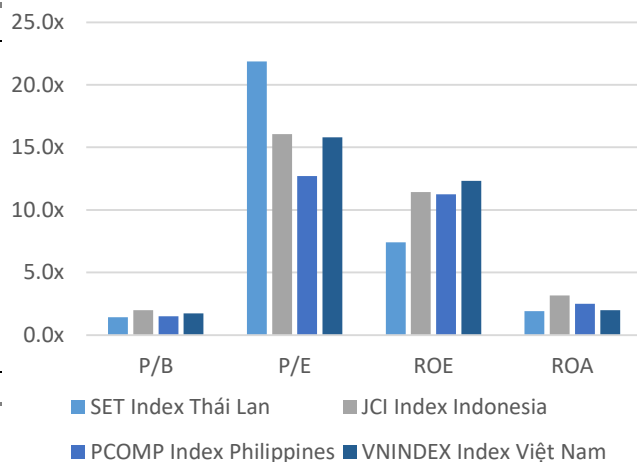
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.4x	2.0x	1.5x	1.7x
P/E		21.9x	16.1x	12.7x	15.8x
ROE	%	7.42	11.44	11.26	12.33
ROA	%	1.90	3.17	2.51	1.98
Vốn hóa	Tỷ USD	475.03	652.52	153.76	185.12
GTGD	Tỷ USD	1.22	0.56	0.03	0.50
LS cổ tức	%	3.17	3.88	2.63	1.60

Nguồn: BloomBBloomberg & YSVN



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written